

Số: /KH-UBND

Tà Lài, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Tà Lài năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 16/01/2026 của Ban chỉ đạo phát triển Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Tà Lài ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 theo yêu cầu, bảo đảm việc thực hiện bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ năm 2026 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, Kế hoạch số 92/KH-UBND và các văn bản chỉ đạo có liên quan.

Xác định rõ các lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên, khai thác hiệu quả bảo đảm sự kết hợp hợp lý giữa các nhiệm vụ mang tính đột phá, sáng tạo nhằm thúc đẩy xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tập trung vào các giải pháp phục vụ người dân, doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý hành chính nhà nước tại địa phương.

Việc triển khai các nhiệm vụ phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có mục tiêu cụ thể, nguồn lực thực hiện, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành. Bảo đảm phân công rõ ràng về trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện; nâng cao tính khả thi, hiệu quả, tránh hình thức, dàn trải.

Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ; sử dụng kết quả triển khai làm căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm theo quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN NĂM 2026

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Ban hành kế hoạch năm 2026 tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW trong đó tập trung chỉ đạo các cấp, các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã thường xuyên quán triệt triển khai đầy đủ các văn bản của Trung ương, của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn xã.

Xác định rõ một số nhiệm vụ trọng tâm cần phải thực hiện gắn với thúc đẩy xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tạo chuyển biến trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã. Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Đồng thời, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp với các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên tuyên truyền thông qua các hội nghị tại xã, họp dân tại ấp, qua các kênh thông tin như: Zalo, Facebook, Trang thông tin điện tử và Đài truyền thanh xã đến toàn thể hội viên, đoàn viên và Nhân dân. Từ đó, góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2. Về cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Triển khai các chính sách, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và hỗ trợ của Trung ương, tỉnh về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã biết và quan tâm tham gia khi có nhu cầu triển khai các hoạt động về khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

Tham gia đóng góp ý kiến đối với các dự thảo quy định cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh hỗ trợ đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ trọng điểm; dự án khởi nghiệp sáng tạo; các dự án nghiên cứu và phát triển về khoa học công nghệ...

3. Về tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan; Nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh; Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

3.1. Đối với hoạt động khoa học công nghệ

Triển khai các nhiệm vụ về đo lường, tuyên truyền các nội dung về khoa học công nghệ. Triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch về phát triển KH&CN theo chỉ đạo của cấp trên. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới cho tổ chức, người dân trên địa bàn. Tham gia hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, đời sống (nông nghiệp, thủ công nghiệp, bảo vệ môi trường...). Quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ quy mô nhỏ, phù hợp với điều kiện của địa phương.

3.2. Đối với hoạt động đổi mới sáng tạo

Phổ biến, tuyên truyền về quyền sở hữu trí tuệ tại địa phương; Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc quản lý và xử lý các vi phạm nhỏ về sở hữu trí tuệ. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu tập thể, nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm đặc trưng của địa phương. Phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương. Hỗ trợ tổ chức hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp xã, phát hiện ý tưởng sáng tạo từ cộng đồng; cuộc thi về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sáng kiến khoa học, tuyên truyền về khoa học công nghệ...

3.3. Đối với công tác chuyển đổi số

a. Về tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng số

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước, hạ tầng mạng LAN, hệ thống hội nghị trực tuyến, mạng internet tốc độ cao...; đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng hệ thống dùng chung của cấp trên. Đảm bảo cán bộ, công chức có đủ trang thiết bị máy tính làm việc.

Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt.

Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động trên địa bàn; Phối hợp đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các ấp; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng ở vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

Nghiên cứu thực hiện lắp đặt hệ thống camera giám sát tầm cao đến các địa điểm quan trọng trong xã phục vụ quản lý an ninh trật tự, khai thác khoáng sản...

Đẩy mạnh sử dụng các phần mềm liên thông từ trung ương, tỉnh đến xã;

b. Về chính quyền số

Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung một cách có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành DNI-S (*dnis.dongnai.gov.vn*); Hệ thống thư điện tử (*mail.dongnai.gov.vn*), hệ thống giải quyết thủ tục hành chính các cấp. Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính:

Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt tối thiểu 98%.

Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính đạt 90%.

Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia là 90%.

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 80%.

Triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính 100%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa đạt tối thiểu 80%.

100% phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính được xử lý đúng hạn.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, về giải quyết thủ tục hành chính, về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%.

100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 80%.

c. Về kinh tế số

Đẩy mạnh triển khai kinh tế số, phát triển tài khoản thanh toán điện tử cho các tổ chức, cá nhân, thay đổi tư duy, phương thức ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt trong cộng đồng:

Phần đầu từ 80% người dân trên 15 tuổi có tài khoản thanh toán giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác được phép.

80% Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thực hiện giao dịch không dùng tiền mặt thông qua mua sắm trực tuyến trên các website, sàn giao dịch thương mại điện tử (TMĐT), mạng xã hội, các ứng dụng TMĐT bán hàng.

Triển khai các ứng dụng, các chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, HTX, tổ hợp tác và hộ có đăng ký kinh doanh trên địa bàn xã, phát triển sản xuất gắn với thương mại điện tử và các sản phẩm OCOP của xã.

d. Về xã hội số

Triển khai hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng

các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

Tỷ lệ người dân được định danh số 100%. Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID): 80%.

Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số cá nhân 50%. Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử 95%.

Duy trì hoạt động có hiệu quả Tổ Công nghệ số cộng đồng tại 19 ấp.

e. Về đảm bảo an toàn thông tin

Nâng cấp hệ thống mạng LAN nội bộ đảm bảo an toàn thông tin cấp độ 1 ổn định theo quy định.

Tiếp tục phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Công an tỉnh thực hiện cài đặt phần mềm phòng chống mã độc (*Cyrada*) cho 100% máy tính tại UBND xã. Tổ chức kiểm tra, rà soát hệ thống máy tính của UBND xã trong việc cài đặt phần mềm phòng chống virus, mã độc.

Triển khai vận hành Hệ thống QLVB và hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về kỹ năng an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nâng cao cảnh giác của người dân đối với các hình thức lừa đảo trên môi trường mạng.

(đính kèm phụ lục danh mục nhiệm vụ thực hiện năm 2026)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện đã được bố trí kinh phí từ nguồn dự toán sự nghiệp khoa học công nghệ năm 2026 theo phụ lục danh mục nhiệm vụ thực hiện (3.440.000.000 đồng - ba tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng) giao cho phòng Văn hóa - Xã hội. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại phụ lục kế hoạch này, tùy theo tình hình thực tế tại địa phương nếu có điều chỉnh các nội dung và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao, đề nghị phòng Văn hóa - Xã hội trình UBND xã để xin ý kiến thực hiện.

Các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số từ nguồn ngân sách được giao năm 2026 và từ các nguồn xã hội hóa khác nếu có.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06

Tham mưu UBND xã Chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số trọng tâm trong năm 2026.

Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số theo kế hoạch; Sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về chuyển đổi số trong năm 2026.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội xã

Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ động tổng hợp tình hình, kịp thời tham mưu UBND xã xem xét, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương.

Phối hợp các cơ quan liên quan trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương được cập nhật đầy đủ, kịp thời, khách quan.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực, ý chí quyết tâm của các cấp, các ngành, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25 hằng tháng, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kiến nghị các nội dung cần chỉ đạo để bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

3. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với các phòng, ban, các cơ quan, đơn vị bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm theo Kế hoạch.

Thực hiện các nội dung phát triển kinh tế số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Công an xã

Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn xã Tà Lài trong đó tiếp tục triển khai, hướng dẫn tiện ích của ứng dụng VNeID, hướng dẫn người dân quy trình, thủ tục đăng ký tài khoản định danh và xác thực điện tử mức độ 2 đảm bảo đạt chỉ tiêu $\geq 80\%$. Hướng dẫn sử dụng ứng dụng VNeID tại Cơ quan Công an khi công dân đến làm thủ tục đăng ký tài khoản, cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ CCCD gắn chip điện tử; ứng dụng dịch vụ công trực tuyến trên phần mềm VNeID.

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Là đầu mối tập trung để giám sát, theo dõi và đôn đốc quá trình giải quyết TTHC bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn. Bảo đảm đủ nhân sự cho việc giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn. Cung cấp thông tin, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

Thực hiện rà soát, đơn giản hóa, số hóa hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến, thực hiện tái cấu trúc quy trình để triển khai hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, đảm bảo đạt 100% TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

6. Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp

Chủ trì triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng/trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

7. Trạm Y tế

Thực hiện chuyển đổi số đẩy mạnh ứng dụng đồng bộ các nền tảng công nghệ số phục vụ quản lý khám chữa bệnh tại tất cả các cơ sở y tế và triển khai bệnh án điện tử nhằm hiện đại hóa các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, giúp người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực vào việc chuyển đổi số; tổ chức phản biện xã hội, lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên địa bàn đối với các nội dung phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Tham gia tích cực Tổ công nghệ số cộng đồng các ấp hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ về chính quyền điện tử: xây dựng các mô hình về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

9. Các Trường học trên địa bàn xã

Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, quản trị nhà trường trong công tác giảng dạy và học tập hình thành các mô hình giáo dục thông minh trong hệ thống giáo dục của xã; số hóa tài liệu, giáo trình, bài giảng nhằm phát triển hệ thống học liệu cung cấp trực tuyến phục vụ miễn phí cho giáo viên và học sinh trong toàn xã. Thực hiện việc chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu, hồ sơ,... theo từng năm học, từng cấp học, bậc học, trình độ đào tạo.

Phối hợp với các đơn vị cung ứng các dịch vụ số về giáo dục, các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai dịch vụ mở tài khoản ngân hàng cho học sinh hoặc phụ huynh học sinh để thực hiện thu, nộp học phí bằng phương thức không dùng tiền mặt.

10. Trưởng các ấp và Tổ công nghệ số cộng đồng:

Tổ chức tuyên truyền tại cơ sở, với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người” phát huy vai trò “cánh tay nối dài” của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 đến tận người dân, hộ gia đình tại các ấp. Tập trung vào phổ cập kỹ năng số cơ bản và hỗ trợ người dân tham gia vào các trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Tổ chức các lớp tập huấn “cầm tay chỉ việc” cho Tổ Công nghệ số cộng đồng và phổ cập kỹ năng số cơ bản người dân với các nội dung:

- Ứng dụng AI cơ bản: Sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (Chatbot, tìm kiếm thông minh) để hỗ trợ tra cứu thông tin và tăng năng suất công việc.

- Dịch vụ công trực tuyến (DVC): Quy trình nộp hồ sơ, thanh toán phí/lệ phí và nhận kết quả trực tuyến. Hướng dẫn cài đặt và sử dụng chữ ký số.

- Kỹ năng bảo mật: Cách nhận diện lừa đảo trực tuyến (Deepfake, link lạ), bảo vệ dữ liệu cá nhân và thiết lập mật khẩu an toàn.

11. Các doanh nghiệp buru chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn xã.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

Phối hợp với công an, các phòng ban, cơ quan đơn vị hướng dẫn cài đặt chữ ký số cá nhân cho người dân trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Tà Lài năm 2026, đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc gửi về UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội) trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo cấp trên theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- TT. Đảng Ủy;
- TT HĐND xã;
- UBMTTQVN và các đoàn thể xã;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch xã;
- Các phòng ban chuyên môn xã;
- Trung tâm phục vụ hành chính công xã;
- Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp;
- Các Trường học;
- Trưởng các Ấp;
- Lưu VT. Mạnh-VHXXH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phạm Tuyền

PHỤ LỤC

Danh mục thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Tà Lài năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ cần thực hiện năm 2026	Kinh phí (triệu đồng)	Đơn vị chủ trì
	Tổng kinh phí năm 2026	3,440	
I	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	250	Phòng VH-XH
1	Kiểm tra nhà nước về đo lường	100	
1.1	Kinh phí tổ chức các đợt kiểm tra về đo lường tại các Chợ trên địa bàn	50	
1.2	Kinh phí thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn	50	
2	Tổ chức tuyên truyền các nhiệm vụ KH-CN	150	
2.1	Triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch về phát triển KH&CN theo chỉ đạo của cấp trên.	20	
2.2	Phối hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới cho tổ chức, người dân trên địa bàn	30	
2.3	Tham gia hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, đời sống (nông nghiệp, thủ công nghiệp, bảo vệ môi trường...).	50	
2.4	Quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ quy mô nhỏ, phù hợp với điều kiện của địa phương	50	
II	CHUYỂN ĐỔI SỐ	2.890	Phòng VH-XH
1	Hạ Tầng kỹ thuật	2.190	
1.1	Camera tầm cao phục vụ quản lý an ninh trật tự	2.100	
1.2	Hệ thống mạng LAN, WIFI công vụ, đường truyền tốc độ cao	50	
1.3	Thiết bị bảo mật, tường lửa, phần mềm diệt virus có bản quyền	40	
2	Nền tảng số và phần mềm ứng dụng	350	
2.1	Trang thông tin điện tử xã	200	
2.2	Ứng dụng di động cho người dân 19 ấp (phản ánh hiện trường, tra cứu thông tin)	100	
2.3	Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Phổ cập giáo dục	50	
3	Đào tạo, tập huấn & truyền thông	150	
3.1	Tập huấn cho cán bộ xã, trưởng ấp, tổ công nghệ cộng đồng	50	
3.2	Truyền thông, pano, áp phích, tờ rơi	50	
3.3	Hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng	50	
4	Vận hành và duy trì	200	
4.1	Đường truyền internet, bảo trì	100	
4.2	Nâng cấp, bảo hành phần mềm, bản quyền phần mềm	50	
4.3	Chi hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng (các hoạt động, đi lại, nước uống, thông tin liên lạc...)	50	
III	ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	300	Phòng VH-XH
1	Phổ biến, tuyên truyền về quyền sở hữu trí tuệ tại địa phương	50	
2	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu tập thể, nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm đặc trưng của địa phương (OCOP, làng nghề...).	50	

3	Phối hợp với cơ quan chuyên môn và cấp Tỉnh trong việc quản lý và xử lý các vi phạm nhỏ về sở hữu trí tuệ	50	Các cơ quan, đơn vị
4	Phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương	50	
5	Hỗ trợ tổ chức hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp xã, phát hiện ý tưởng sáng tạo từ cộng đồng; cuộc thi về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số..., công nhận sáng kiến khoa học, tuyên truyền về khoa học công nghệ	50	
6	Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	50	
IV	CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU KHÁC CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2026		
	Các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao trong kế hoạch chủ động xây dựng tổ chức thực hiện đảm bảo các nội dung, chỉ tiêu		